

Số: 01/2024/QĐST-HNGĐ

Sơn La, ngày 10 tháng 9 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC HÔN NHÂN GIA ĐÌNH

V/v yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Thành phần giải quyết việc hôn nhân gia đình gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp:* Ông Phạm Tuấn Minh.
- *Thư ký phiên họp:* Bà Đào Thu Hương - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Sơn La.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên họp:* Ông Phạm Quốc Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2024, tại Toà án nhân dân tỉnh Sơn La mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc Hôn nhân gia đình thụ lý số 03/2024/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2024 về việc: Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 39/2024/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2024, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình:*
 - + Ông Lê Văn L; sinh ngày 02/12/1970; địa chỉ thường trú: Tiểu khu A, thị trấn H, huyện M, tỉnh Sơn La.
 - + Bà Phan Thị H; sinh ngày 21/5/1985; địa chỉ thường trú: Tiểu khu A, thị trấn H, huyện M, tỉnh Sơn La. Chỗ ở hiện nay: Số A, đường M, ngõ Y, quận Y, thành phố Đ, Đà Loan.

- *Người đại diện theo uỷ quyền về việc giao, nhận các văn bản tố tụng của Toà án đồng thời là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Phan Thị H:* Luật sư Dương Văn C - Văn phòng L2, Đoàn Luật sư thành phố H; địa chỉ: số A, ngõ D, đường T, phường M, quận C, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

** Theo đơn yêu cầu, bản tự khai của ông Lê Văn L, bà Phan Thị H và các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện:*

Ông Lê Văn L và bà Phan Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký

kết hôn ngày 07/4/2016 tại Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện M, tỉnh Sơn (kết hôn năm 2004 nhưng do mất Giấy đăng ký kết hôn nên đăng ký lại vào ngày 07/4/2016). Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc. Đến năm 2020 bà H đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, ông L muốn bà H trở về nước làm ăn ở quê nhà nhưng bà H lại muốn tiếp tục làm việc tại Đài Loan do công việc phù hợp với sức khoẻ và thuận lợi. Mâu thuẫn giữa hai người ngày càng trầm trọng, không thể tìm được tiếng nói chung. Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên ông L và bà H thống nhất đề nghị Toà án giải quyết công nhận thuận tình ly hôn cho ông L, bà H.

- Về con chung: Ông Lê Văn L và bà Phan Thị H có 02 con chung là cháu Lê Đức K, sinh ngày 05/6/2008 và cháu Lê Ngọc L1, sinh ngày 17/5/2013. Để ổn định điều kiện học tập, sinh hoạt, ông L và bà H quyết định sau khi li hôn, ông L sẽ tiếp tục quản lý, nuôi dưỡng hai cháu. Ông L, bà H đã thống nhất bà H không phải thực hiện việc cấp dưỡng cho hai con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Trong quá trình chung sống, ông L, bà H không có tài sản chung, nợ chung. Do đó không yêu cầu Toà án giải quyết.

** Tại đơn trình bày nguyện vọng, cháu Lê Đức K, sinh ngày 05/6/2008 và cháu Lê Ngọc L1, sinh ngày 17/5/2013 trình bày:*

Các cháu là con của bố Lê Văn L và mẹ Phan Thị H. Do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên mẹ các cháu đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan... Không hiểu vì lý do gì mà bố mẹ các cháu lại quyết định li hôn, các cháu tôn trọng quyết định của bố mẹ. Do mẹ các cháu đi làm ăn xa, không có điều kiện để trực tiếp chăm sóc các cháu nên các cháu quyết định ở với bố là Lê Văn L.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên họp phát biểu:*

Đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Sơn La: Căn cứ khoản 2 Điều 29; khoản 3 Điều 35; khoản 1 Điều 37; khoản 2 Điều 39; Điều 149; Điều 361; Điều 367; Điều 370; Điều 469; Điều 470 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 55; khoản 2 Điều 123; khoản 1 Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Lê Văn L và bà Phan Thị H
2. Về con chung: Giao 02 cháu Lê Đức K, sinh ngày 05/6/2008 và cháu Lê Ngọc L1, sinh ngày 17/5/2013 cho ông Lê Văn L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Bà Phan Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.
3. Về tài sản chung, nghĩa vụ về tài sản chung: Ông L, bà H không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.
4. Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Ông Lê Văn L tự nguyện chịu lệ phí

dân sự sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Toà án nhân dân tỉnh Sơn La nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết của Toà án:

Ông Lê Văn L và bà Phan Thị H có đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn; bà Phan Thị H hiện đang cư trú tại nước ngoài nên xác định đây là vụ việc có yếu tố nước ngoài, thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân tỉnh Sơn La quy định tại khoản 2 Điều 29, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 39, khoản 1 Điều 469, Điều 470 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Các văn bản bà Phan Thị H gửi Toà án nhân dân tỉnh Sơn La gồm: Đơn yêu cầu, bản tự khai, đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, giấy uỷ quyền đều có xác nhận của Văn phòng K1 tại Đài Loan nên được xác định là hợp pháp.

[3] Người yêu cầu bà Phan Thị H có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, đơn có xác nhận của Văn phòng K1 tại Đài Loan. Vì vậy Toà án vẫn tiến hành phiên họp giải quyết việc hôn nhân và gia đình theo quy định.

[4] Về yêu cầu của các đương sự:

[4.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Văn L và bà Phan Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày 07/4/2016 tại Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện M, tỉnh Sơn (kết hôn năm 2004 nhưng do mất Giấy đăng ký kết hôn nên đăng ký lại vào ngày 07/4/2016) nên được xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Các đương sự đều xác nhận: Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc. Đến năm 2020 bà H đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, ông L muốn bà H trở về nước làm ăn ở quê nhà nhưng bà H lại muốn tiếp tục làm việc tại Đài Loan do công việc phù hợp với sức khoẻ và thuận lợi. Mâu thuẫn giữa hai người ngày càng trầm trọng, không thể tìm được tiếng nói chung. Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên ông L và bà H thống nhất đề nghị Toà án giải quyết công nhận thuận tình ly hôn cho ông L, bà H.

Căn cứ quy định tại Điều 51, Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình. Xét thấy việc các đương sự yêu cầu thuận tình ly hôn là tự nguyện, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định của pháp luật nên được Toà án chấp nhận.

[4.2] Về con chung: Ông Lê Văn L và bà Phan Thị H đều xác định có 02 con chung là cháu Lê Đức K, sinh ngày 05/6/2008 và cháu Lê Ngọc L1, sinh ngày 17/5/2013, hiện hai cháu đang chung sống cùng ông L. Các đương sự thoả thuận

giao 02 con chung cho ông Lê Văn L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, bà Phan Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, thoả thuận của các đương sự không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình nên cần chấp nhận.

[4.3] Về tài sản chung, nợ chung: Ông Lê Văn L và bà Phan Thị H đều xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu Toà án giải quyết nên Toà án không xem xét.

[5] Về lệ phí: Ông Lê Văn L tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 29; khoản 3 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 37; khoản 2 Điều 39; Điều 149; Điều 361; Điều 367; Điều 370; Điều 469; Điều 470 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án:

1. Chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Lê Văn L và bà Phan Thị H. Ông Lê Văn L và bà Phan Thị H chấm dứt quan hệ hôn nhân kể từ ngày quyết định này có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Công nhận sự thoả thuận của ông Lê Văn L và bà Phan Thị H. Tạm giao 02 con chung là cháu Lê Đức K, sinh ngày 05/6/2008 và cháu Lê Ngọc L1, sinh ngày 17/5/2013 cho ông Lê Văn L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Bà Phan Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Bà Phan Thị H được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Ông Lê Văn L và bà Phan Thị H đều xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu Toà án giải quyết nên Toà án không xem xét.

4. Về lệ phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Lê Văn L tự nguyện chịu 300.000 đồng lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được đối trừ số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu số 0000044 ngày 02/8/2024 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Sơn La. Ông Lê Văn L đã nộp đủ lệ phí việc dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sơn La;
- Cục THADS tỉnh Sơn La;
- UBND thị trấn Hát Lót, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn la;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN HỌP

(Đã ký)

Phạm Tuấn Minh